

THỨ NGÀY	BUỔI	16DNT1 (33SV)	16DNT2 (24SV)	16DNTCNC (29SV)	16DBVTV (22SV)	16DCN (08SV)
HAI 13/10	SÁNG	KTSX giống và nuôi CB - 3t P10 - C Như			IPM trong BVTV - 4t P16 - C. Hằng	Kiểm nghiệm SPDV - 4t P17 - C. Hương
	CHIỀU		KTSX giống và nuôi CB - 3t PA5 - CS2 - C Như	PP bố trí TN và XLSL - 4t P12 - C. Huyền		VS môi trường CN - 4t PA4 - CS2 - T. Thư
BA 14/10	SÁNG		KT xử lý nước thải-4t P8 - T. Huy		Phòng trừ sinh học bệnh cây trồng - 4t P11 - C. Phương	Quản lý sản xuất chăn nuôi-4t P9 - T. Siêu Ghép với 17DCNTY
	CHIỀU		KT nuôi thủy đặc sản - 4t PA5 - CS2 - T. Vũ			
TƯ 15/10	SÁNG	KT xử lý nước thải - 4t P8 - T. Huy	KTSX giống và nuôi CB - 3t P10 - C Như		IPM trong BVTV - 4t P7 - C. Hằng	Khuyến nông - 4t P17 - C. Hương
	CHIỀU	KTSX giống và nuôi CB - 3t P10 - C Như	KT nuôi thủy đặc sản - 4t PA5 - CS2 - T. Vũ	PP bố trí TN và XLSL - 4t P8 - C. Huyền		TT. OLSX CN-5t P9 - T. Siêu Ghép với 17DCNTY
NĂM 16/10	SÁNG	Chăn nuôi đại cươg - 4t PA5 - CS2 - T. Thư	Bệnh học thủy sản - 4t P17 - T. Toàn	KT xử lý nước thải - 4t P10 - T. Huy	Kiểm dịch thực vật và dịch hại nông sản sau thu hoạch - 4t P16 - C. Hằng	TT. Quản lý sản xuất chăn nuôi-5t P9 - T. Siêu Ghép với 17DCNTY
	CHIỀU		Kinh tế thủy sản - 4t P7 - T. Tuấn	Bệnh học thủy sản - 4t PA5 - CS2 - T. Toàn		Khuyến nông - 4t P17 - C. Hương
SÁU 17/10	SÁNG	Bệnh học thủy sản - 4t PA5 - CS2 - T. Toàn	KTSX giống và nuôi CB - 3t PA4 - CS2 - C Như		Phòng trừ sinh học côn trùng - 4t P7 - C. Thắm	Kiểm nghiệm SPDV - 4t P17 - C. Hương
	CHIỀU	KTSX giống và nuôi CB - 3t P8 - C Như	Bệnh học thủy sản - 4t PC01 - CS2 - T. Toàn			TT. Quản lý sản xuất chăn nuôi-5t P9 - T. Siêu Ghép với 17DCNTY
BẢY 18/10	SÁNG					TT. Quản lý sản xuất chăn nuôi-5t P9 - T. Siêu Ghép với 17DCNTY
	CHIỀU					

Ghi chú: Buổi sáng tiết 1 bắt đầu 7^h00; Buổi chiều tiết 1 bắt đầu 13^h20

THỨ NGÀY	BUỔI	17DNTTS1 (26SV)	17DNTTS2 (33SV)	17DNTCNC (20SV)	17DBVTV (04SV)	17DBVMTTS (04SV)	17DCNTY (10SV)
HAI 13/10	SÁNG		DT và chọn giống TS-4t P9 - C. Xiếu				Dược lý thú y - 4t P11 - T. Sĩ
	CHIỀU	Di truyền và chọn giống TS - 4t P10 - C. Xiếu		Tiếng Anh chuyên ngành NTTS - 4t P7 - C. Phương			Chăn nuôi thỏ - 4t P17 - C. Hương
BA 14/10	SÁNG	PP NCKH - 4t P12 - C. Phương Ghép với 18DKHMT	CT&TB trong NTTS-4t P10 - C. B Vân		Chọn giống cây trồng trong BVTV - 4t P16 - C. Hằng	CNSH trong xử lý ô nhiễm MT - 4t P17 - C. Hạnh	QLSX chăn nuôi-4t P9 - T. Siêu Ghép với 16DCN
	CHIỀU	PP bố trí TN và XLSL - 4t P10 - C. Huyền			Cỏ đại - 4t P7 - C. Như Phương	Phát triển bền vững - 4t P8 - T. Nam	Miễn dịch học - 4t PA4 - CS2 - T. Thư
TƯ 15/10	SÁNG		PP NCKH - 4t P11 - C. Phương		Sinh học phân tử-4t P12 - C. Xiếu		
	CHIỀU			Công trình và thiết bị trong NTTS - 4t P7 - C. B Vân		CNSH trong xử lý ô nhiễm MT - 4t P17 - C. Hạnh	TT. OLSX CN-5t P9 - T. Siêu Ghép với 16DCN
NĂM 16/10	SÁNG	LS ĐCSVN - 4t P11 - C. Kiều		CT&TB trong NTTS-4t Tại Cty SXG Chí Danh C. B Vân	DD cây trồng - 4t P7 - C. Kiều		TT. OLSX chăn nuôi-5t - P9 - T. Siêu Ghép với 16DCN
	CHIỀU		LS ĐCSVN - 4t P11 - C. Kiều	Tiếng Anh chuyên ngành NTTS - 4t P8 - C. Phương	Khoa học đất - 4t P9 - C. Huyền Ghép với 18DBVTV	VT và GIS trong QLTN và MT - 4t P12 - T. Khánh Ghép với 18DKHMT	
SÁU 17/10	SÁNG	KT trồng rong biển - 4t P16 - C. Nhâm		Lịch sử ĐCSVN - 4t P12 - C. Kiều			
	CHIỀU	Công trình và thiết bị trong NTTS - 4t P17 - C. B Vân	PP bố trí TN và XLSL - 4t P10 - C. Huyền	Kỹ thuật SXG và nuôi giáp xác - 4t PC03 - CS2 - T. Nguyên	DD cây trồng - 4t P7 - C. Kiều		TT. OLSX CN-5t P9 - T. Siêu Ghép với 16DCN
BẢY 18/10	SÁNG		KT trồng rong biển - 4t P8 - C. Nhâm	Kỹ thuật SXG và nuôi giáp xác - 4t P7 - T. Nguyên			TT. OLSX CN-5t P9 - T. Siêu Ghép với 16DCN
	CHIỀU						

THỨ NGÀY	BUỔI	18DNTTS (29SV)	18DNTCNC (27SV)	18DBVTV (10SV)	18DKHMT (04SV)	18DCNTY (13SV)
HAI 13/10	SÁNG	CNXH khoa học - 3t P12 - C. Trang	Tiếng Anh CB 3 - 4t PA4 - CS2 - C. Sang	Sinh lý thực vật - 4t PA5 - CS2 - C. Chúc	Khí tượng thủy văn-4t P8 - T. Huy	
	CHIỀU		Sinh thái thủy sinh - 4t P11 - C. Ngà		Cơ sở KHMT - 4t P8 - T. Nam	
BA 14/10	SÁNG		CNXH khoa học - 3t PA5 - CS2 - C. Trang		PP NCKH-4t P12 - C. Phương Ghép với 17DNTTS1	Sinh lý động vật - 3t P7 - C. Định
	CHIỀU		Mô và phôi học động vật TS - 4t PA5 - CS2 - C. Hồng Vân			
TƯ 15/10	SÁNG	Sinh thái thủy sinh - 4t P9 - C. Ngà		Tiếng Anh CB 3 - 4t PA4 - CS2 - T. Bảo		
	CHIỀU	Mô và phôi học động vật thủy sản - 4t P11 - C. Hồng Vân			Hoá môi trường ứng dụng - 3t PA4 - CS2 - T. Bé	
NĂM 16/10	SÁNG	Tiếng Anh CB 3 - 4t P12 - C. An	Tiếng Anh CB 3 - 4t PA4 - CS2 - C. Sang	CNXH khoa học - 4t P8 - CS1 - C. Lệ		
	CHIỀU		Mô và phôi học động vật TS - 4t PA4 - CS2 - C. Hồng Vân	Khoa học đất - 4t P9 - C. Huyền Ghép với 17DBVTV	Viễn thám và GIS trong QLTN và MT - 4t P12 - T. Khánh Ghép với 17DBVMTTS	
SÁU 17/10	SÁNG	Sinh lý động vật thủy sản - 4t P11 - C. Bé	Sinh lý động vật thủy sản - 4t P10 - C. M Phương		Cơ sở KHMT - 4t P8 - T. Nam	Sinh học phân tử-4t P9 - C. Xiếu
	CHIỀU				Hóa môi trường ứng dụng - 3t PA4 - CS2 - T. Bé	Sinh lý động vật - 3t PA5 - CS2 - T. Thư
BẢY 18/10	SÁNG					
	CHIỀU					
CN 19/10	SÁNG					
	CHIỀU					

Ghi chú: Buổi sáng tiết 1 bắt đầu 7^h00; Buổi chiều tiết 1 bắt đầu 13^h20

THỨ NGÀY	BUỔI	19DNTTS1 (38SV)	19DNTTS2 (36SV)	19DNTCNC (37SV)	19DKHMT (11SV)	19DBVTV (22SV)	19DCNTY (22SV)
HAI 13/10	SÁNG	“Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” NH 2025 - 2026; Sáng: 7h30 Địa điểm: Hội trường lớn - CS1 - ĐHBL - số 178, Đ. Võ Thị Sáu, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau					
	CHIỀU			Tin học CB - 4t P16 - T. Côn			
BA 14/10	SÁNG	“Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” NH 2025 - 2026; Sáng: 7h30 Địa điểm: Hội trường lớn - CS1 - ĐHBL - số 178, Đ. Võ Thị Sáu, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau					
	CHIỀU		Tin học CB - 4t P16 - T. Côn Ghép với 19DKHMT	Điền kinh & Bơi lội - 4t CS2 - T. Khái	Tin học CB - 4t P16 - T. Côn Ghép với 19DNTTS2		
TƯ 15/10	SÁNG	Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” NH 2025 - 2026; Sáng: 7h30 Địa điểm: Hội trường lớn - CS1 - ĐHBL - số 178, Đ. Võ Thị Sáu, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau					
	CHIỀU		Điền kinh & Bơi lội - 4t CS2 - T. Khái Ghép với 19DKHMT	Sinh học đại cương - 4t P12 - C. Xiểu	Điền kinh & Bơi lội - 4t CS2 - T. Khái Ghép với 19DNTTS2	Tin học CB - 4t P16 - T. Côn	
NĂM 16/10	SÁNG	Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” NH 2025 - 2026; Sáng: 7h30 Địa điểm: Hội trường lớn - CS1 - ĐHBL - số 178, Đ. Võ Thị Sáu, phường Bạc Liêu					
	CHIỀU		Sinh học đại cương - 4t P10 - C. Ngà Ghép với 19DKHMT	Tin học CB - 4t PM01 - T. Côn	Sinh học đại cương - 4t P10 - C. Ngà Ghép với 19DNTTS2	Điền kinh & Bơi lội - 4t CS2 - T. Khái	
SÁU 17/10	SÁNG	Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” NH 2025 - 2026; Sáng: 7h30 Địa điểm: Hội trường lớn - CS1 - ĐHBL - số 178, Đ. Võ Thị Sáu, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau					
	CHIỀU	Sinh học đại cương - 4t P11 - C. Ngà	Tin học CB - 4t PM01 - T. Côn Ghép với 19DKHMT	Sinh học đại cương - 4t P12 - C. Xiểu	Tin học CB - 4t PM01 - T. Côn Ghép với 19DNTTS2	Điền kinh & Bơi lội - 4t CS2 - T. Khái	
BẢY 18/10	SÁNG	Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” NH 2025 - 2026; Sáng: 7h30 Địa điểm: Hội trường lớn - CS1 - ĐHBL - số 178, Đ. Võ Thị Sáu, phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau					
	CHIỀU					Tin học CB - 4t PM01 - T. Côn	

Ghi chú: CVHT điểm danh sinh viên trước khi vào sinh hoạt 10 phút, quản lý sinh viên lớp mình trong suốt các buổi học, sinh viên thực hiện kiểm tra, đánh giá, khảo sát ý kiến “Tuần sinh hoạt công dân - sinh viên” trên hệ thống trước 17h00 ngày 30/10/2025 (sau thời gian trên hệ thống không nhận kết quả)

THÔNG TIN LIÊN HỆ GIẢNG VIÊN

TT	Họ và tên	Số điện thoại	Mail
I. Khoa Nông nghiệp và Thủy sản			
1	Nguyễn Thị Kim Xuân	0909.094.195	ntkxuan@blu.edu.vn
2	Nguyễn Văn Tuấn	0915.886.877	nvtuan@blu.edu.vn
1. Bộ môn Nuôi trồng thủy sản			
3	Lê Hoàng Vũ	0907.005.004	lhvu@blu.edu.vn
4	Trần Thị Bích Như	0913.141.344	ttbnhu@blu.edu.vn
5	Dương Hải Toàn	0988.233.588	dhtoan@blu.edu.vn
6	Lâm Tâm Nguyên	0913.762.720	ltnguyen@blu.edu.vn
7	Trần Thị Linh Nhâm	0973.911.777	ttltnham@blu.edu.vn
8	Nguyễn Thị Hồng Vân	0989.596.697	nthvan@blu.edu.vn
9	Lê Mỹ Phương	0948.734.070	lmphuong@blu.edu.vn
10	Nguyễn Thị Bích Vân	0917.845.748	ntbván@blu.edu.vn
11	Tiêu Ngọc Xiểu	0919.557.710	tnxieú@blu.edu.vn
12	Lê Thị Ngọc Ngà	0943.083.525	ltnga@blu.edu.vn
13	Trần Thị Bé	0975.255.244	ttbe@blu.edu.vn
2. Bộ môn Khoa học cây trồng và Phát triển nông thôn			
14	Dương Thị Bích Huyền	0794.934.344	dtbhuyen@blu.edu.vn
15	Phạm Thị Thắm	0988.978.357	pttham@blu.edu.vn
16	Mai Như Phương	0982.402.876	mnphuong@blu.edu.vn
17	Trần Ngọc Hạnh	0904.760.956	tnhanh@blu.edu.vn
18	Lâm Quốc Huy	0916.568.680	lqhuy@blu.edu.vn
19	Phạm Giang Nam	0918.450.076	pghnam@blu.edu.vn
20	Nguyễn Thị Thúy Hằng	0817.300.048	ntthang@blu.edu.vn

3. Bộ môn Chăn nuôi Thú y			
21	Trần Hồng Định	0985.155.894	thdinh@blu.edu.vn
22	Nguyễn Tiến Sĩ	0907.900.435	ntsi@blu.edu.vn
23	Nguyễn Thanh Thu	0919.464.580	ntthu@blu.edu.vn
24	Mai Thị Ngọc Hương	0944.853.161	mtnhuong@blu.edu.vn
II. Mời giảng			
1. Ban Giám hiệu			
25	Tiền Hải Lý	0908 281 287	thly@blu.edu.vn
2. Các phòng ban			
26	Nguyễn Thị Kiều	0939.752.474	ntkieu@blu.edu.vn
27	Đặng Nguyệt Quế	0989.679.696	dnque@blu.edu.vn
28	Ngô Đức Khánh	0848.337.994	ndkhanh@blu.edu.vn
29	Lê Cẩm Lệ	0918.053.290	lecamle.bl@gmail.com
30	Tô Hoàng Hiệp	0913.631.977	
31	Huỳnh Điền Côn	0957.700.048	
3. Khoa Sư phạm			
32	Trần Văn Bé	0939.166.111	tvbe@blu.edu.vn
33	Phạm Tiến Công	0913.647.871	ptcong@blu.edu.vn
34	Ngũ Hữu Khái	0907.404383	nhkhai@blu.edu.vn
35	Nguyễn Thị Chúc	0944.711.754	ntchuc@blu.edu.vn
4. Khoa Khoa học xã hội			
36	Diệp Kiều Trang	0913.458.993	dktrang@blu.edu.vn
37	Trương Thị Kiều	0944.878.527	ttkieu@blu.edu.vn
38	Trần Tam Phương	0913.806.429	ttphuong@blu
39	Nguyễn Thị Sang	0919.747.633	ntsang@blu.edu.vn
40	Tạ Thị Kim Oanh	0916.337.654	ttkoanh@blu.edu.vn
41	Trương Thị Như Ý	0972.996.939	ttny@blu.edu.vn
42	Dương Thế Bảo	0776.514.675	dtbao@blu.edu.vn

45	Nguyễn Văn Út	0946.463.232	nvut@blu.edu.vn
46	Nguyễn Tuyết Hạnh	0986.164.098	
5. Khoa Kỹ thuật và Công nghệ			
47	Hoàng Ngọc Hiền	0943.008.175	hnhien@blu.edu.vn
6. Khoa Kinh tế và Luật			
48	Lê Thị Thêm	0947.746.002	ltthem@blu.edu.vn